

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau (đợt 11 năm 2026)

Để tăng cường công tác giám sát và kiểm soát chất lượng môi trường nước trên các tuyến sông cấp nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ năm 2026, Chi cục Thủy sản Cà Mau phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu môi trường và bệnh thủy sản miền Nam thực hiện lấy mẫu quan trắc môi trường nước mặt tại 23 điểm trên các tuyến sông thuộc địa bàn tỉnh Cà Mau từ ngày 12/7/2026 đến 14/7/2026 (đợt 11 năm 2026).

Các điểm quan trắc gồm: Kênh 30/4 – Phường Hiệp Thành, Kênh Xáng – phường Vĩnh Trạch, Kênh Cái Cùm – xã Vĩnh Hậu, Kênh Chùa Phật – xã Vĩnh Hậu, Kênh Gò Cát – xã Long Điền, Kênh Hộ Phòng – xã Long Điền, Kênh 9000 – xã Hồng Dân, Cửa biển Gành Hào – xã Gành Hào, Sông Bạc Liêu – phường Bạc Liêu, Kênh Trường Sơn – phường Hiệp Thành, Kênh số 3 – xã Vĩnh Hậu, Kênh Mương 7 – xã Vĩnh Hậu, Ngã 3 Vàm Đầm – xã Tân Tiến, Sông Đầm Dơi – xã Đầm Dơi, Sông Cái Đoi – xã Phú Tân, Ngã 3 Vàm Đình – xã Phú Mỹ, Cống Đá Kênh 4 – Hòa Mỹ – xã Hưng Mỹ, Lương Thế Trân – xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm, Sông Cái Đoi Vàm – xã Cái Đoi Vàm, Sông Đường Chéo (Đường Kéo) – xã Tân Ân, Kênh Xáng Độ Cường – phường Hòa Thành và xã Trần Phán, Sông Thị Tường – xã Hưng Mỹ, Kênh Xáng Tân Hưng – xã Tân Hưng.

Các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: nhiệt độ, pH, DO, độ mặn, độ kiềm, $N-NO_2^-$, $N-NH_4^+$, $P-PO_4^{3-}$, $N-NO_3^-$, TSS, TP, *Chlorophyll a*, *Vibrio* tổng số, *Vibrio parahaemolyticus* tổng số và *Coliform* tổng số, EHP.

1. Kết quả chất lượng nước

(Kèm theo phụ lục kết quả phân tích chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau đợt 11).

2. Đánh giá chất lượng nước

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Kênh 30/4	40	Kém	DO, N-NO ₃ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 60 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 11000 MPN/100mL (DO có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
2	Kênh Xáng	32	Kém	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 24000 MPN/100mL (DO, N-NH ₄ ⁺ có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
3	Kênh Cái Cùng	47	Trung bình	DO, N-NO ₃ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , TSS, <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 60 CFU/mL (TSS có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, chất rắn lơ lửng và mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao, đồng thời có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần lắng, xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
4	Kênh Chùa Phật	59	Trung bình	DO, N-NO ₃ ⁻ , <i>Vibrio</i> (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và mật độ <i>vibrio</i> tăng cao, do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
5	Kênh Gò Cát	75	Tốt	DO, N-NO ₃ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần lắng, xử

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					ly và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
6	Kênh Hộ Phòng	32	Kém	DO, N-NO ₃ ⁻ , TSS, <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL (DO, TSS có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, chất rắn lơ lửng và mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần lắng, xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
7	Kênh 9000	52	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 50 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
8	Cửa biển Gành Hào	58	Trung bình	DO, TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 50 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chất rắn lơ lửng cao và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> cần lắng nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
9	Sông Bạc Liêu	32	Kém	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>Coliform</i> = 11000 MPN/100mL (DO, N-NH ₄ ⁺ có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng do đó cần xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
10	Kênh Trường Sơn	35	Kém	DO, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>Coliform</i> = 24000 MPN/100mL (DO, N-NH ₄ ⁺ có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng do đó cần xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
11	Kênh số 3	42	Kém	DO, độ kiềm, N-NO ₃ ⁻ ,	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục,

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
				N-NH $\square\square$, P-PO $\square^3\square$, TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 50 CFU/mL (TSS có qi = 1)	xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Cần bổ sung bột vôi cacbonat CaCO $_3$, bột Dolomite CaMg(CO $_3$) $_2$ để tăng pH và độ kiềm. Chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
12	Kênh Mương 7	26	Kém	DO, độ kiềm, N-NO $\square\square$, N-NH $\square\square$, P-PO $\square^3\square$, <i>V.parahaemolyticus</i> = 150 CFU/mL (DO, N-NH $\square\square$ có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Cần bổ sung bột vôi cacbonat CaCO $_3$, bột Dolomite CaMg(CO $_3$) $_2$ để tăng pH và độ kiềm. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
13	Ngã 3 Vàm Đầm	92	Rất tốt	DO, N-NH $\square\square$, P-PO $\square^3\square$, <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
14	Sông Đầm Dơi	59	Trung bình	DO, N-NH $\square\square$, P-PO $\square^3\square$, <i>V.parahaemolyticus</i> = 60 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
15	Sông Cái Đôi	92	Rất tốt	DO, N-NO $\square\square$, <i>V.parahaemolyticus</i> = 50 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
16	Ngã 3 Vàm Đình	60	Trung bình	DO, <i>V.parahaemolyticus</i> = 40 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
17	Cổng Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	59	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₃ ⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
18	Lương Thế Trân	56	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₃ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 60 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
19	Sông Cái Đôi Vàm	60	Trung bình	DO, N-NO ₃ ⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	57	Trung bình	DO, N-NO ₃ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 60 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					nước trước khi cấp vào ao nuôi.
21	Kênh Xáng Độ Cường	58	Trung bình	DO, độ mặn, P-PO $\square^3\square$, <i>V.parahaemolyticus</i> = 50 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
22	Sông Thị Tường	58	Trung bình	DO, độ mặn, P-PO $\square^3\square$ (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, do đó cần xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.
23	Kênh Xáng Tân Hưng	56	Trung bình	DO, N-NO $\square\square$, P-PO $\square^3\square$, <i>V.parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.

Ghi chú: Chỉ số AWQI được đánh giá theo Quyết định 428/QĐ-TS-NTTS của Cục Thủy sản ký ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước cho vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

3. Khuyến cáo

Theo Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết điểm đến 10 ngày của Đài Khí tượng Thủy văn Nam Bộ (số DIEM-401/04h30/HOCM, ban hành ngày 20/7/2026), trong những ngày tới khu vực Nam Bộ tiếp tục chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam với cường độ trung bình, xuất hiện mưa rào và dông. Trường hợp mưa kéo dài có thể làm giảm độ mặn, biến động pH, oxy hòa tan và gia tăng rửa trôi các chất hữu cơ từ khu vực xung quanh vào nguồn nước cấp, ảnh hưởng đến chất lượng nước vùng nuôi tôm nước lợ.

Kết quả quan trắc đợt 11 cho thấy Cà Mau có 07 điểm có chất lượng nước ở mức kém, gồm: Kênh 30/4, Kênh Xáng, Kênh Hộ Phòng, Sông Bạc Liêu, Kênh Trường Sơn, Kênh số 3, Kênh Mương 7. Nguyên nhân chủ yếu là DO thấp, kết hợp với các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng (N-NH_4^+ , P-PO_4^{3-} , N-NO_2^-) tăng, TSS cao tại một số điểm và sự hiện diện của *Vibrio parahaemolyticus* trong nguồn nước.

Để hạn chế thiệt hại trong sản xuất, Chi cục Thủy sản khuyến cáo người nuôi chủ động thực hiện các biện pháp quản lý và chăm sóc tôm nuôi như sau:

- Người nuôi cần tăng cường theo dõi, kiểm tra các chỉ tiêu môi trường nước trong ao nuôi (DO, N-NH_4^+ , N-NO_2^- , P-PO_4^{3-} và TSS), đặc biệt sau các đợt mưa; duy trì mực nước phù hợp, gia cố bờ bao, cống và chủ động các biện pháp quản lý nhằm hạn chế thiệt hại do thời tiết bất lợi gây ra.

- Các cơ sở nuôi hạn chế lấy nước trực tiếp từ các khu vực có chất lượng nước kém và rất kém; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi.

- Đối với các khu vực ghi nhận sự hiện diện của *Vibrio parahaemolyticus*, cần tăng cường kiểm soát chất lượng nước cấp trước khi sử dụng; kiểm tra kỹ tình trạng bắt mồi của tôm nuôi, quan sát kỹ tôm nuôi nếu thấy bất thường về màu sắc gan tụy hoặc đường ruột tôm cần giảm lượng thức ăn, tăng cường quạt nước và bổ sung chế phẩm vi sinh.

- Riêng tại Kênh Tân Hưng, mẫu nước ghi nhận kết quả dương tính EHP (Ct = 38,71); cần thận trọng khi sử dụng nguồn nước, xử lý nước cấp trước khi đưa vào ao nuôi và tăng cường theo dõi, giám sát để hạn chế nguy cơ phát tán mầm bệnh.

- Bên cạnh đó, thường xuyên kiểm tra pH ao/vuông nuôi và duy trì pH trong khoảng 7,5 – 8,5; chênh lệch giữa sáng và chiều không quá 0,5 đơn vị.

- Trong những ngày có mưa cần tháo bỏ lớp nước mặt trong và sau khi mưa, đồng thời tăng cường quạt nước để tránh hiện tượng phân tầng nước. Dùng vôi nông nghiệp hoặc vôi sống tạt trên bờ trước khi mưa, sau khi mưa hòa vôi trong nước tạt đều quanh ao/vuông nuôi (từ 10 – 20kg/1.000m² ao nuôi). Chủ động giảm hoặc ngưng cho tôm ăn trong thời gian mưa. Sau khi mưa cần bổ sung các chất tăng sức đề kháng, chế phẩm vi sinh giúp ổn định môi trường, hạn chế khí độc trong ao/vuông nuôi.

- Thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý, thủy hóa trong ao/vuông nuôi; theo dõi sức khỏe và hoạt động của tôm nuôi. Thực hiện quản lý thức ăn hợp lý; định kỳ vệ sinh đáy ao, loại bỏ bùn thải và chất hữu cơ tích tụ; duy trì môi trường nuôi ổn định nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- Định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,... đặc biệt là vitamin C vào khẩu phần ăn hằng ngày để

tăng sức đề kháng cho tôm nuôi.

- Ngoài ra, hộ nuôi nên thường xuyên theo dõi các thông báo, khuyến cáo của cơ quan chuyên môn và các tin tức trên báo, đài và các trang thông tin điện tử chính thống để nắm bắt thông tin và có biện pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

Trên đây là thông báo kết quả quan trắc chất lượng nước và khuyến cáo của Chi cục Thủy sản nhằm hỗ trợ người nuôi chủ động thực hiện các biện pháp quản lý môi trường nuôi, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm Khuyến nông (p/h);
- Phòng Kinh tế các xã (p/h);
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường (p/h);
- Ban biên tập Website Sở;
- Lưu: VT, NTTS_(Giang).

CHI CỤC TRƯỞNG

Đỗ Chí Sĩ

Phụ lục
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU CHẤT LƯỢNG NƯỚC PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU (TỪ NGÀY 12/7 – 14/7/2026)
(Kèm theo Thông báo số /TB-CCTS ngày /7/2026 của Chi cục Thủy sản)

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	Vibrio (CFU/ml)	Vibrio parahaemolyticus (CFU/ml)	Coliform (MPN/ 100ml)	EHP
1	Kênh 30/4	Hiệp Thành	31,0	7,5	3,0	10	139,6	0,158	1,661	0,117	0,163	124,0	0,338	24,4	100	60	11.000	Âm tính
2	Kênh Xáng	Vĩnh Trạch	31,0	7,5	2,0	5	149,5	0,012	2,197	0,128	KPH	110,0	0,407	24,0	40	20	24.000	Âm tính
3	Kênh Cái Cù	Vĩnh Hậu	33,0	7,0	4,0	20	121,8	0,256	1,027	0,062	0,292	421,3	0,349	14,2	1.300	60	1.500	Âm tính
4	Kênh Chùa Phật	Vĩnh Hậu	32,0	7,5	2,0	23	105,0	0,115	0,128	0,020	0,494	80,0	0,163	8,5	1.100	<1	1.600	Âm tính
5	Kênh Gò Cát	Long Điền	33,0	7,0	4,0	19	119,8	0,494	0,862	0,051	0,309	164,7	0,282	31,2	30	20	2.400	Âm tính
6	Kênh Hộ Phòng	Long Điền	33,0	7,5	3,0	21	109,9	0,167	0,022	0,044	0,334	279,3	0,278	8,7	1.700	20	430	Âm tính
7	Kênh 9000	Hồng Dân	29,0	7,7	3,0	5	101,0	0,032	0,779	0,023	KPH	24,0	0,227	69,4	50	50	4.600	Âm tính
8	Cửa biển Gành Hào	Gành Hào	32,0	7,0	2,0	24	101,0	0,093	0,112	0,057	0,184	122,0	0,163	5,9	720	50	4.600	Âm tính
9	Sông Bạc Liêu	Bạc Liêu	31,0	7,5	2,0	5	143,6	0,008	2,314	0,133	KPH	30,0	0,323	26,9	30	<1	11.000	Âm tính
10	Kênh Trường Sơn	Hiệp Thành	32,0	7,0	2,0	10	138,6	0,059	1,841	0,154	0,153	40,0	0,264	13,0	80	<1	24.000	Âm tính
11	Kênh số 3	Vĩnh Hậu	33,0	7,5	4,0	20	171,3	0,194	1,409	0,113	0,234	4200,0	2,312	137,5	1.000	50	930	Âm tính
12	Kênh Muơng 7	Vĩnh Hậu	31,0	7,5	2,0	21	156,4	0,336	2,147	0,487	0,089	67,3	0,883	90,1	200	150	4.600	Âm tính
13	Ngã 3 Vàm Đầm	Tân Tiến	30,0	7,5	4,0	21	134,7	0,089	0,303	0,123	0,162	59,3	0,321	56,4	140	20	2.400	Âm tính
14	Sông Đầm Dơi	Đầm Dơi	31,0	7,0	3,0	12	123,8	0,075	0,355	0,152	0,203	58,0	0,300	40,2	840	60	4.600	Âm tính
15	Sông Cái Đoi	Phú Tân	30,0	7,5	4,0	14	103,0	0,108	0,130	0,061	0,240	68,0	0,154	5,7	180	50	4.600	Âm tính
16	Ngã 3 Vàm Đình	Phú Mỹ	30,0	7,5	3,0	12	118,8	0,061	0,132	0,055	0,139	62,0	0,175	13,9	40	40	1.500	Âm tính
17	Cổng Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	Hưng Mỹ	29,0	7,5	2,0	9	131,7	0,102	0,189	0,098	0,267	64,7	0,184	3,7	110	30	930	Âm tính

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	<i>Vibrio</i> (CFU/ml)	<i>Vibrio</i> <i>parahaemolyticus</i> (CFU/ml)	<i>Coliform</i> (MPN/ 100ml)	EHP
18	Lương Thế Trân	Xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm	29,0	7,0	2,0	9	121,8	0,494	0,169	0,179	0,179	32,0	0,319	50,6	130	60	11.000	Âm tính
19	Sông Cái Đôi Vàm	Cái Đôi Vàm	30,0	7,0	3,0	19	116,8	0,147	0,128	0,041	0,251	58,0	0,120	6,1	60	10	930	Âm tính
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	Tân Ân	31,0	7,5	3,0	23	118,8	0,486	0,223	0,202	0,138	46,7	0,340	18,2	550	60	4.600	Âm tính
21	Kênh Xáng Độ Cường	Phường Hòa Thành và xã Trần Phán	31,0	7,0	2,0	9	132,7	0,072	0,266	0,134	0,200	57,3	0,239	40,4	540	50	2.400	Âm tính
22	Sông Thị Tường	Hưng Mỹ	28,0	7,0	2,0	8	133,7	0,091	0,232	0,109	0,230	70,0	0,188	7,5	30	<1	11.000	Âm tính
23	Kênh Xáng Tân Hưng	Tân Hưng	30,0	7,0	3,0	12	122,8	0,482	0,280	0,226	0,211	40,0	0,323	11,4	440	30	11.000	Dương tính (38,71)